

Phụ lục số II
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng:

Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200600741 thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp ngày 06/10/2016
- Vốn điều lệ: 30.120.400.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.120.400.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 3 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 0313821832
- Số fax: 0313540272
- Website: hcpc.vn
- Mã cổ phiếu: BXH

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

- Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng tiền thân là Xí nghiệp Bao bì Xi măng Hải Phòng (thuộc Công ty Xi măng Hải Phòng). Công ty là đơn vị đi đầu trong chương trình chuyển đổi sản xuất của Công ty Xi măng Hải Phòng theo chủ trương công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

- Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐCP ngày 19/6/2002 của Chính phủ về việc "chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần" và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định 64/2002 của các Bộ, ngành có liên quan; Căn cứ Quyết định số 908/XMVN-HĐQT ngày 10/6/2002 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

- Sau một thời gian khẩn trương tiến hành các thủ tục, Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/10/2004 theo Quyết định số 1222/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

- Ngày 07 tháng 01 năm 2008 Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng. Năm 2009 Công ty tiến hành đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đến ngày 25/11/2009 cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Các sự kiện khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

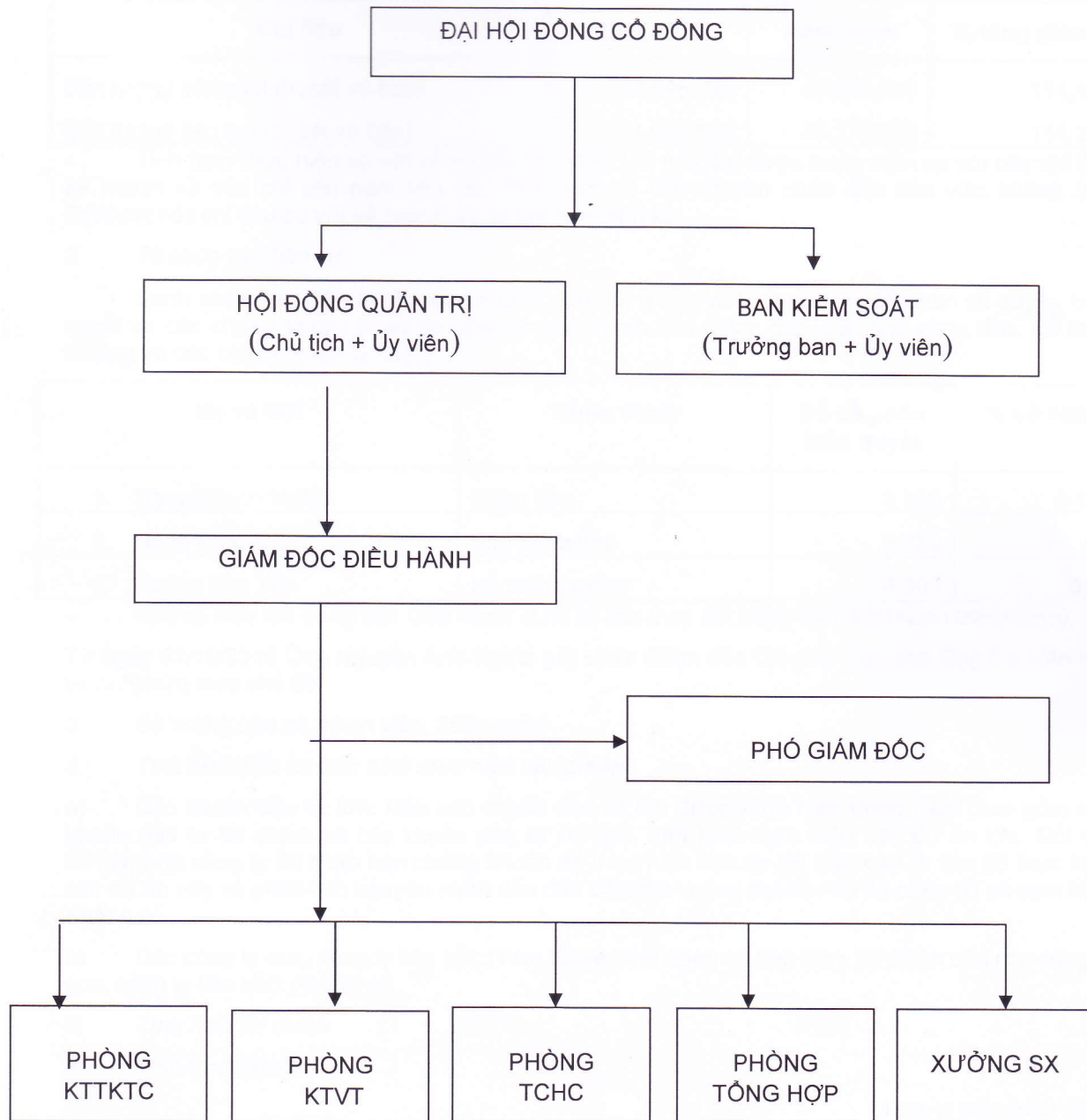
- . Sản xuất và kinh doanh vỏ bao bì xi măng và các loại vỏ bao bì khác;
- . Sản xuất nguyên vật liệu cho ngành sản xuất bao bì;
- . Xuất nhập khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu cho ngành sản xuất bao bì;
- . Cho thuê văn phòng, kho, bến, bãi;
- . Các ngành nghề khác theo Đăng ký kinh doanh.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- . Công ty TNHH MTV xi măng vicem Hải Phòng;
- . Công ty TNHH MTV xi măng vicem Hoàng Thạch;
- . Công ty cổ phần xi măng Bút Sơn;
- . Công ty cổ phần xi măng Điên Biện;
- . Công ty cổ phần xi măng Hạ Long;
- . Công ty TNHH Tây Tô.;

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết). không có.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
 - Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Đầu tư dự án hệ thống dây chuyền sản xuất bao xi măng PP dán đáy.
 - Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
6. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Sản lượng sản xuất (tr. cái vỏ bao)	32.698.792	41.201.141	114,45
Sản lượng tiêu thụ (tr. cái vỏ bao)	31.980.695	41.175.255	114,38

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Giám đốc, các phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần biểu quyết	% sở hữu
1. Nguyễn Anh Nghĩa	Giám đốc	3.900	0,129
2. Hồng Anh Việt	Phó giám đốc	9.050	0,3
3. Hoàng Kim Yến	Kế toán trưởng	4.300	0,14

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

Từ ngày 01/10/2016 Ông Nguyễn Anh Nghĩa giữ chức Giám đốc Công ty thay cho Ông Dư Văn Hải về nghỉ hưu theo chế độ.

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. 250 người

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết): Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): Không có

5. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	125.594	132.206	5,26%
Doanh thu thuần	176.039	218.354	24,03%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7,85	9,62	22,55%
Lợi nhuận khác	53	1.275	140,75%
Lợi nhuận trước thuế	7.899	10.897	37,95%
Lợi nhuận sau thuế	5,365	8.543	59,23%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	0%

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,512	1,554	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	1,305	1,264	
Nợ ngắn hạn			
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số: Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,591	0,590	
+ Hệ số: Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,445	1,439	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	9,837	8,172	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,402	1,652	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,030	0,039	
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,104	0,159	
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,043	0,065	
+ Hệ số: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	0,044	0,044	

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a) **Cổ phần:** Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần lưu hành trong năm: 3.012.040 cổ phần.

b) **Cơ cấu cổ đông:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

- Cổ đông nhà nước: 1.475.450 cổ phần bằng 48,99%
- Cổ đông là tổ chức: 847.200 cổ phần bằng 28,12%
- Cổ đông là cá nhân: 689.390 cổ phần bằng 22,89%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng doanh thu	176.039.305	218.354.213	24,03%
Lợi nhuận trước thuế	7.899.440	10.897.264	33,96%
Lợi nhuận sau thuế	5.365.171	8.638.759	61,01%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	10	10	0
Nộp ngân sách	7.318.167	9.969.503	36,23%
Lao động bình quân (người)	249	250	0,04%
Thu nhập bình quân (đ/ng/tháng)	5.713.000	8.420.000	47,38%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được .

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Nợ phải thu (triệu đồng)	88.583.961	90.099.312	1,71%
- Phải thu của khách hàng	87.161.866	89.112.717	2,23%
- Phải thu khác	1.422.095	983.954	-30,81%
Nợ phải trả (triệu đồng)	74.236.150	78.012.045	5,08%
- Vay ngân hàng	33.955.297	27.720.324	-18,36%
- Phải trả khách hàng	28.255.144	34.141.156	20,83%
- Phải trả khác	12.025.794	16.150.565	34,30%

– Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần biểu quyết	% sở hữu
1. Mai Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	4.001	0,1328
2. Dư Văn Hải	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm từ 30/10/2016)	6.712	0,22
3. Nguyễn Anh Nghĩa	Ủy viên	3.900	0.129
4. Hồng Anh Việt	Ủy viên (Bổ nhiệm từ 01/11/2016)	9.050	0.3
5. Phạm Văn Hùng	Ủy viên	5.100	0,169
6. Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên – TV độc lập	124.400	4,130

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03	19/1	NQ phiên họp 14 HĐQT: sơ kết năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016
2	09	15/4	QĐ vv giao các chỉ tiêu ngân sách năm 2016
3	10	02/4	NQ phiên họp 15 HĐQT: Sơ kết quý 1, KH quý 2/2016 và KH tổ chức ĐH cổ đông thường niên
4	16	22/4	NQ Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
5	17	21/6	NQ vv thông qua KH SXKD năm 2016 và vay vốn KD tại NH công thương Hồng Bàng
6	19	1/7	NQ phiên họp 16 HĐQT: Sơ kết quý 2 và KH quý 3
7	22	1/9	QĐ vv nghỉ hưu của Ông Dư Văn Hải – UV HĐQT – Giám đốc Công ty
8	25	28/9	NQ vv bổ nhiệm Ông Nguyễn Anh Nghĩa - Giám đốc Công ty
9	27	31/10	NQ vv bổ nhiệm Ông Hồng Anh Việt - thành viên HĐQT

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần biểu quyết	% sở hữu
1. Nguyễn Thị Kim Chi	Trưởng ban	0	0
2. Đặng Thị Thanh Hữu	Ủy viên	0	0
3. Phạm Thị Thúy	Ủy viên	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	20	30/03/2016	Biên bản kiểm soát hoạt động năm 2015
2	23	21/10/2016	Chương trình kiểm soát hoạt động 9 tháng năm 2016

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban KS

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Đơn vị tính: đồng

Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Tổng thu nhập
1- Mai Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	10.500.000	60.000.000	70.500.000
1- Dư Văn Hải	UV- Giám đốc nghi 1/10	268.665.600	30.000.000	298.665.600
2- Nguyễn Anh Nghĩa	Ủy viên – Giám đốc từ 1/10	245.189.100	36.000.000	281.189.100
3- Hồng Anh Việt	Ủy viên – Phó giám đốc	231.735.700	6.000.000	237.735.700
4- Phạm Văn Hùng	Ủy viên – TP TCHC	203.564.636	36.000.000	239.564.636
5- Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên – TV độc lập	8.920.000	36.000.000	44.920.000
6- Nguyễn Thị Kim Chi	Trưởng ban kiểm soát	8.800.000	36.000.000	44.800.000
7- Đặng Thị Thanh Hữu	Ủy viên BKS	78.338.300	18.000.000	96.338.300
8- Phạm Thị Thúy	Ủy viên BKS	87.495.200	18.000.000	105.495.200

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Dư Văn Hải	CĐNB	2.912	0,09	6.712	0,22	Mua của công đoàn thoái vốn
2	Nguyễn Anh Nghĩa	CĐNB	1.500	0,049	3.900	0,129	Mua của công đoàn thoái vốn
3	Hồng Anh Việt	CĐNB	1.550	0,05	9.050	0,3	Mua của công đoàn thoái vốn
4	Phạm Văn Hùng	CĐNB	4.200	0,139	5.100	0,169	Mua của công đoàn thoái vốn
5	Hoàng Kim Yến	CĐNB	500	0,017	4.300	0,14	Mua của công đoàn thoái vốn
6	Dư Quang Hưng	NLQ	0	0	6.000	0,2	Mua của công đoàn thoái vốn
7	Lê Hoàng Anh	NLQ	0	0	2.400	0,08	Mua của công đoàn thoái vốn
8	Hoàng Thị Kim Luyến	NLQ	0	0	200	0,006	Mua của công đoàn thoái vốn
9	Phạm Quốc Hoàng	NLQ	0	0	900	0,029	Mua của công đoàn thoái vốn
10	Phạm Thu Hằng	NLQ	0	0	300	0,01	Mua của công đoàn thoái vốn
11	BCH Công Đoàn Công ty CP VICEM Bao bì HP	CĐ lớn	331.000	11	3.800	0,12	Thoái vốn
12	Cty TNHH MTV QLQ N.H Công thương VN	CĐ lớn	0	0	300.000	9,96	Tăng vốn
13	Công ty CP cơ điện IDC	CĐ lớn	191.100	6,34	543.400	18,04	Tăng vốn

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Nghĩa